TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2019
V/v: *"Không công nhận vợ chồng giữa chị H và anh V"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thành Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Hải**
2. Ông **Trần Thanh Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài TH** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về *"Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm 1983 (xin VM)

Địa chỉ: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Công V**, sinh năm 1980 (VM)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, TP.Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

- Về hôn nhân: Vào tháng 6/2010 chị và anh Phạm Công V quen biết nhau, tìm hiểu được 03 tháng thì tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi tự nguyện chung sống với nhau, chị và anh V sinh sống tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và sống hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nhất là trong

chuyện dạy dỗ con cái. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị và anh V đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Do vậy, vào khoảng tháng 4/2019 chị và anh V đã không còn chung sống với nhau. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ như thế với anh V được nên yêu cầu không công nhận chị và V là vợ chồng.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Phạm Gia M (nam), sinh ngày 27/6/2012. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Công V không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Tuyết H khởi kiện anh Phạm Công V có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ với yêu cầu không công nhận chị và anh V là vợ chồng và nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là "Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Khi tiến hành xét xử, chị Nguyễn Thị Tuyết H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Phạm Công V được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh V theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày, chị và anh Phạm Công V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, giữa chị và anh V có nhiều mâu thuẫn, bất hòa dẫn đến chị và anh V không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 4/2019 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh V là vợ chồng. Còn anh V, mặc dù đã được triệu tập đến Tòa án để giải quyết nhiều lần, nhưng anh V vẫn không đến và cũng không có bất cứ văn bản nào gửi cho Tòa án để nêu ý kiến của mình. Như vậy, anh V đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng M của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn

cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh V không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh, chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, không công nhận chị H và anh V là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết H yêu cầu được nuôi con tên Nguyễn Phạm Gia M. Xét thấy, cháu M hiện do chị H nuôi dưỡng và cháu M cũng có nguyện vọng sống chung với chị H, chị H có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Cho nên, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị H nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Tuyết H không yêu cầu anh Phạm Công V cấp dưỡng nuôi con nên anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 27; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9; Điều; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết H đối với anh Phạm Công V.

1.1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Phạm Công V.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phạm Gia M (nam), sinh ngày 27/6/2012 cho chị Nguyễn Thị Tuyết H nuôi dưỡng. Anh Phạm Công V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh Phạm Công V, không ai được phép cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tải sản chung, nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 012782 ngày 09 tháng 9 năm 2019 thành án phí.

3. Tuyên án công khai. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thành Sang